

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận đối tượng giảm học phí toàn khóa học
Diện: Sinh viên DTTS ở thôn/ bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và
miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo.

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

Căn cứ Quyết định số 298/CP ngày 11 tháng 11 năm 1977 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Luật giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Thông tư số 10/2016TT-BGDĐT ngày 05/4/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 2003/QĐ-ĐHTN ngày 05/11/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên về việc Ban hành Quy chế công tác sinh viên hệ chính quy Trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ kết quả kiểm tra hồ sơ miễn, giảm học phí theo Thông báo số 1868/TB-ĐHTN ngày 07/9/2023 của Hiệu trưởng;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Công tác sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh sách 42 (Bốn mươi hai) sinh viên là dân tộc thiểu số ở thôn/ bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo được giảm 70% (bảy mươi phần trăm) học phí toàn khóa học (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Thời gian thực hiện: từ Học kỳ I năm học 2023 - 2024.

Điều 3. Các ông Trưởng phòng CTSV, Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính, Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng các Khoa đào tạo và sinh viên có tên tại **Điều 1** chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

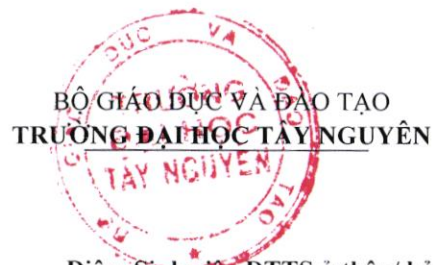
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các đ/vị: Quản lý chất lượng; Thanh tra-PC;
Trung tâm Thông tin (để đăng lên website Trường);
- Lưu: CTSV, VT.



HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
C.T.S Nguyễn Văn Nam



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC GIẢM 70% HỌC PHÍ TOÀN KHÓA HỌC

(Áp dụng từ học kỳ 1, năm học 2023 - 2024)

Diện: Sinh viên DTTS ở thôn/ bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo.

(Kèm theo Quyết định số 1761 /QĐ-DHTN, ngày 06 / 10/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên)

STT	KHOA	LỚP	MÃ SV	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	DÂN TỘC	HỌ KHẨU THƯỜNG TRÚ	GHI CHÚ
1	CNTY	Thủ y K23B	23305096	Nông Ích Sơn	08/03/2004	Tày	Bon B R'Bút, xã Quảng Sơn, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông	QĐ 861
2	CNTY	Thủ y K23B	23305110	Lý Trung Thực	02/12/2005	Nùng	Thôn 21, xã Cư Bông, huyện Eakar, tỉnh Đắk Lắk	QĐ 861
3	CNTY	Chăn nuôi Thú Y K23	23304011	Y AGê Niê	19/5/2005	Ê đê	Buôn Ea KNôp, xã Cư Ni, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk	QĐ 612
4	KHTN&CN	Công nghệ Thông tin K23	23103052	Y MiLô MLô	03/3/2005	Ê đê	Buôn Yun, xã Dliê Ya, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk	QĐ 612
5	KHTN&CN	Công nghệ sinh học K23	23313004	Lương Thuý Hoà	03/12/2005	Nùng	Thôn Tân Bình, xã Tân Thanh, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng	QĐ 612
6	KHTN&CN	Công nghệ Thông tin K21A	21103007	Y Trình Byă	11/8/2003	M'nông	Buôn Earông B, xã Krông Na, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	QĐ 861
7	KHTN&CN	Công nghệ Thông tin K21A	21103006	Quách Xuân Tài Byă	08/10/2003	M'nông	Buôn Đôn, xã Krông Na, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	QĐ 861
8	KHTN&CN	Công nghệ Thông tin K23	23103038	H Nhung KSor	27/7/2004	Ê đê	Buôn Dliêya A, xã Dliêya, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk	QĐ 612
9	KHTN&CN	Công nghệ Thông tin K23	2310319	Hà Trung Hiếu	12/11/2005	Nùng	Thôn 12, xã EaLê, huyện EA Sup, tỉnh Đắk Lắk	QĐ 861
10	Kinh tế	Kế toán K23A	23403067	Phương Thị Thuý Nga	03/08/2004	Tày	Buôn Eadrai, xã Tân Tiến, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk	QĐ 612
11	Kinh tế	Kinh tế phát triển K22	22413030	Hoàng Quốc Huy	01/02/2002	Nùng	Thôn 13, xã Ia RVê, huyện EA Súp, tỉnh Đắk Lắk	QĐ 861
12	Kinh tế	Kinh tế Nông nghiệp K23	23401009	Nay Sút Nhay Kđoh	21/11/2004	Ê đê	Buôn Jang Lanh, xã Krông Na, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	QĐ 861
13	Kinh tế	Kế toán K23A	23403013	H' Na Yong Byă	01/07/2004	Ê đê	Buôn Thi, xã Ea Trang, huyện M'Drăk, tỉnh Đắk Lắk	QĐ 861
14	Kinh tế	Kế toán K22	22403006	H Ánh 'Teh	30/10/2004	M'nông	Buôn Cuôr Tak, xã Yang Tao, huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk	QĐ 861
15	Kinh tế	Tài chính ngân hàng K23	23406076	Phàng A Sẻnh	23/10/2005	Mông	Thôn Phú Vinh, xã Quảng Phú, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông	QĐ 612

16	LLCT	Giáo dục Chính trị K23	23604016	Nay H'Thuang	23/11/2003	Jrai	Buôn Suối Cẩm, xã Chư Drăng, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai	QĐ 861
17	Nông lâm	Lâm sinh K23	23306005	A Hùng	07/05/2005	Xê đăng	Thôn Kon Cung, xã Đắk Sao, huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum	QĐ 861
18	Ngoại ngữ	Ngôn ngữ Anh K23	23702121	H Yuôm Niê	13/2/2005	Ê đê	Buôn Trấp, xã Ea Tam, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk	QĐ 612
19	Ngoại ngữ	Ngôn ngữ Anh K23B	23702120	H- Văn Niê	06/12/2004	Ê đê	Buôn Cư Phiang, xã Hoà Phong, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk	QĐ 861
20	Ngoại ngữ	Ngôn ngữ Anh K23A	23702048	H YuLuyn HDRuê	21/4/2004	Ê đê	Buôn Tría, xã Buôn Tría, huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk	QĐ 612
21	Ngoại ngữ	Ngôn ngữ Anh K23A	23702074	H Bin Kuan	22/7/2005	M'nông	Buôn Dơng Bắ, xã Yang Tao, huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk	QĐ 861
22	Ngoại ngữ	Ngôn ngữ Anh K23B	23702090	Nay H'Loá	02/06/2005	Jrai	Buôn Ia Klon, xã Ia Rmok, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai	QĐ 861
23	Ngoại ngữ	Ngôn ngữ Anh K23A	23702041	Y Hạ	09/01/2005	Gié Triêng	xã Đắk Choong, huyện Đắk Glei, tỉnh Kon Tum	QĐ 861
24	Sư phạm	Văn học K23	23607007	H 'Bíc	25/10/2005	Mạ	Bon B' Srê B, xã Đắk Som, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông	QĐ 861
25	Sư phạm	Văn học K23	23607021	H Dưn KMăn	04/03/2003	Ê đê	Buôn Tría, xã Buôn Tría, huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk	QĐ 612
26	Y Dược	Điều dưỡng K20	20309105	KSor H'Phior	29/12/2002	Jrai	Bôn Tông Se, xã Ia Trok, huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai	QĐ 612
27	Y Dược	Điều dưỡng K23	23309056	H Bíc BKrông	23/9/2005	Ê đê	Buôn Ea Mdhar, xã Ea Nuôl, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	QĐ 861
28	Y Dược	Điều dưỡng K23	23309031	H'Rin Niê	15/2/2005	Ê đê	Buôn Ea Mdhar, xã Ea Nuôl, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	QĐ 861
29	Y Dược	Điều dưỡng K23	23309005	K' Thị Đoan	18/6/2005	Kơ ho	Xóm 8, thôn 2, xã Đông Giang, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận	QĐ 612
30	Y Dược	Điều dưỡng K23	23309016	KSor H'Lem	05/11/2005	Jrai	Buôn IaHly, xã Krông Năng, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai	QĐ 861
31	Y Dược	Kỹ thuật xét nghiệm K23	23311011	Đinh Công Hoán	25/10/2003	Ba na	Thôn 3, xã Kông Bơ La, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai	QĐ 612
32	Y Dược	Kỹ thuật xét nghiệm K23	23311014	Rmah H Hya	01/09/2005	Jrai	Plei Thơ ga A, xã Chư Don, huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai	QĐ 861
33	Y Dược	Kỹ thuật xét nghiệm K23	23311007	Lương Thị Điệp	16/12/2005	Tày	Thôn 7C, xã Eahiao, huyện Eahleo, tỉnh Đắk Lắk	QĐ 612
34	Y Dược	Kỹ thuật xét nghiệm K23	23311008	H Anh Hà Êban	09/06/2005	Ê đê	Buôn Ngô A, xã Hoà Phong, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk	QĐ 861

35	Y Dược	Y đa khoa K18B	18307428	Thái Thị Duyên	01/5/1999	Khơ me	Xã Thổ Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang	QĐ 353
36	Y Dược	Y đa khoa K23A	23307017	Lò Seo Chinh	11/7/2005	H'Mông	Thôn Eabar, xã Cư Pui, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk	QĐ 861
37	Y Dược	Y đa khoa K23B	23307079	Điêu Kùn	25/5/2005	M'nông	Bon Bu Mlanh B, xã Đắk R'Tih, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông	QĐ 612
38	Y Dược	Y đa khoa K23B	23307095	Lưu Thị Trúc Ly	31/8/2004	Nùng	Thôn 4, xã Tân Hoà, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	QĐ 861
39	Y Dược	Y đa khoa K23B	23307126	Hoàng Thị Kim Oanh	25/10/2005	Mường	Xã Ia Tơi, huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum	QĐ 861
40	Y Dược	Y đa khoa K23C	23307189	Ksor H'Trăm	06/12/2004	Jrai	Bôn Jữ, xã Ia Broãi, huyện Iapa, tỉnh Gia Lai	QĐ 861
41	Y Dược	Y đa khoa K22A	22307069	H Ngăn Knul	01/09/2003	Ê đê	Buôn Hma, xã Ea Bông, huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk	QĐ 612
42	Y Dược	Y đa khoa K23B	23307091	Danh Bùi Công Luận	20/1/2004	Khơ me	Tổ 9, Ấp Hòn Sóc, xã Thổ Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang	QĐ 612

Danh sách có: 42 sinh viên.